

Số: 101/2020/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 01 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 85/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm 1973

Địa chỉ cư trú: Khóm J, thị trấn B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, huyện A, tỉnh Vĩnh Long

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Cao Thị Mỹ T, sinh năm 1972

Địa chỉ cư trú: Khóm P, thị trấn Q, huyện D, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Đinh Thị Đ có nghĩa vụ trả anh Nguyễn Quốc C số tiền vốn 38.500.000đ (ba mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) và lãi 8.947.400đ (tám triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm đồng). Tổng cộng vốn, lãi 47.447.400đ (bốn mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm đồng) nhưng trả định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi trả xong nợ. Thời gian trả bắt đầu vào ngày 01/9/2020.

Nếu bà Đinh Thị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên thì anh Nguyễn Quốc C yêu cầu thi hành án toàn bộ số nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong thì bà Đinh Thị Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 1.186.185đ (một triệu một trăm tám mươi sáu ngàn một trăm tám mươi lăm đồng), nguyên đơn anh Nguyễn Quốc C và bị đơn bà Đinh Thị Đ mỗi bên nộp $\frac{1}{2}$ án phí, cụ thể:

Anh Nguyễn Quốc C nộp 593.092đ (năm trăm chín mươi ba ngàn không trăm chín mươi hai đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.186.000đ (một triệu một trăm tám mươi sáu ngàn đồng) anh C đã nộp theo biên lai thu số 0016067 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long, còn lại 592.908đ (năm trăm chín mươi hai ngàn chín trăm lẻ tám đồng) hoàn trả anh C.

Bà Đinh Thị Đ nộp 593.092đ (năm trăm chín mươi ba ngàn không trăm chín mươi hai đồng), nhưng bà Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà Đ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện E;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong